

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-10-2019  
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình  
về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Vân Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Trọn

Ông Thái Kim Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 658/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị Kim H, sinh năm: 1993; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ 03, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 9 năm 2019 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Lưu Thị Kim H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 15-01-2013. Ngày cưới gia đình chồng cho chị 01 đôi bông 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ tất cả là vàng 24k, số nữ trang này vợ chồng đã bán chi phí trong gia đình nên không còn. Sau khi cưới vợ chồng sống với cha mẹ chồng tại ấp C, xã P đến năm 2016, anh T

phạm tội và phải đi chấp hành án tại Trại giam C nên chị về nhà cha mẹ ruột tại khu phố T, thị trấn G sống cho đến nay.

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 11-11-2012, hiện con đang sống với chị.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng đều không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị không lo cho vợ con, còn ham chơi cờ bạc. Năm 2016, chồng chị đánh chết người nên bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử 18 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam C. Sau khi chồng chị chấp hành án, khoảng 2-3 tháng chị có đến thăm 01 lần. Từ tháng 8-2019 đến nay chị không lên thăm nữa. Tình cảm vợ chồng hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với chồng chị là anh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con và không yêu cầu chồng chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 26 tháng 9 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:* Anh thống nhất theo phần lớn lời trình bày của chị H. Đối với phần mâu thuẫn, theo anh vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh phải chấp hành án trong thời gian dài là 18 năm và vợ anh có ý định đi nước ngoài nên xin ly hôn với anh. Anh chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của vợ anh.

Về con chung: Anh đồng ý giao con cho vợ anh nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất như lời trình bày của vợ anh và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T; Đồng thời, ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh chị về con chung tài sản chung và nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh Tchung sống với nhau vào năm 2010, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P, huyện G vào ngày 15-01-2013, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị H có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Anh chị cùng thống nhất vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng do anh T phải thi hành án phạt tù 18 năm, cho đến nay anh T mới thi hành được khoảng 3 năm. Ngoài ra, chị H còn trình bày anh T ham mê cờ bạc không lo vợ con; anh T cho rằng chị H có ý định đi nước ngoài nên giữa vợ chồng phát sinh thêm mâu thuẫn. Khi chị H yêu cầu ly hôn anh T đồng ý. Anh chị cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị thống nhất: Giao chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 11-11-2012, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Đối với đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị Kim H đối với anh Nguyễn Thành T. Chị H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao chị Lưu Thị Kim H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 11-11-2012. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009669 ngày 16-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Vân Quỳnh**